TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HN-ST
Ngày: 29/5/2020
Về việc "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Hưng**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lê Bảo Trúc**

Bà **Trần Thị Ngọc Phượng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Chau Dau –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: ông **Huỳnh Hoài Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2020/QĐST-DS ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1990; cư trú: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Lê Văn C, sinh năm 1979; cư trú: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, chị Trần Thị H trình bày: chị và anh Lê Văn C quen biết do mai mối, cả hai tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào năm 2008.

Anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2017.

Chị cũng đã nộp đơn ly hôn và được hòa giải đoàn tụ và anh C có hứa sẽ khắc phục nhưng đến nay thì anh C không thực hiện dẫn đến hôn nhân của anh chị ngày càng tồi tệ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 25/02/2008 và cháu Lê Ngọc T3, sinh ngày 11/6/2010; hiện hai con chung đang sinh sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn, anh Lê Văn C thống nhất với trình bày của chị Trần Thị H về quá trình tiến đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì vẫn yêu thương vợ con và hứa sẽ sửa đổi bản thân theo đúng cam kết trước đây; nhưng nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì các con sống với cha hay mẹ do các con quyết định vì các con cũng đã có hiểu biết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ các trình bày, yêu cầu của mình và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về vụ án: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: qua diễn biến phiên tòa đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; về con chung: các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ và khi ly thân, các cháu do chị H nuôi dưỡng nên đề nghị tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng do chị H không yêu cầu; về tài sản: vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lê Văn C là bị đơn có nơi cư trú tại xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Lê Văn C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Văn C vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh chị quen biết qua mai mối, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân của anh chị là tự nguyện, tiến bộ nhưng trong quá trình chung sống, mặc dù cuộc sống vợ chồng có thời gian đầm

ấm, hạnh phúc nhưng vì không cùng quan điểm sống do anh chị không chia sẻ tâm tư đã dẫn đến nhiều mâu thuẫn khác trong cuộc sống, đó là mâu thuẫn trong cách thức dạy dỗ, chăm sóc con cái, đó là mâu thuẫn trong việc tổ chức, quản lý kinh tế của gia đình; các mâu thuẫn này không được anh chị giải quyết thỏa đáng đã gây ra tình trạng đổ gãy, sứt mẻ tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát triển theo chiều hướng xấu đến nỗi anh chị phải sống ly thân từ năm 2017.

Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng đã có thiện chí, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện qua việc chị H đã từng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C nhưng qua công tác tố tụng, Tòa án đã giúp anh chị đoàn tụ để cùng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; tuy nhiên, với sự khác biệt, cuộc sống vợ chồng của anh chị lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân gây ra vẫn là quan điểm sống của anh chị.

Từ đó có thể thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã không thể hòa giải và việc duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị là không thể. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Lê Văn C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 25/02/2008 và Lê Ngọc T3, sinh ngày 11/6/2010 hiện do chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và xét nguyện vọng của 02 con chung của anh chị cũng như sự phát triển toàn diện, bình thường của 02 cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung của anh chị cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: anh chị cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H về việc ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 26/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã T1 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: giao con chung của anh chị là cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 25/02/2008 và cháu Lê Ngọc T3, sinh ngày 11/6/2010 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng nếu anh Lê Văn C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Văn C.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009598 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng